

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 09-01-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tịnh Thới
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 652/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim M, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thọ H, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Cao Văn T, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thọ H, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kim M trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà và ông Cao Văn T chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không chăm lo đời sống gia đình, thường xuyên rượu chè, chửi bới bà. Ông bà đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà M không còn tình cảm gì với ông T nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có với nhau 03 con chung tên Cao Xuân Ti, sinh năm: 1991; Cao Minh H, sinh năm: 1993 và Cao Minh Hi, sinh năm: 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

- *Bị đơn ông Cao Văn T trình bày:* Ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, nhưng cách đây khoảng 02 tháng thì bà M đi làm gỗ về thì ông T đã chửi bà M và có hỏi bà M nhưng bà M không trả lời nên ông đã uống rượu về gây chuyện với bà. Sau đó vợ chồng ít nói chuyện với nhau. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng có 03 con chung như bà M trình bày. Hiện nay các con chung là Cao Xuân Ti, sinh năm: 1991; Cao Minh H, sinh năm: 1993 và Cao Minh Hi, sinh năm: 1995 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà M với ông T là vợ chồng; về con chung: Có 03 con tên Cao Xuân Ti, sinh năm: 1991; Cao Minh H, sinh năm: 1993 và Cao Minh Hi, sinh năm: 1995, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: ông bà không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: ông bà khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Lê Thị Kim M khởi kiện ông Cao Văn T về việc “Ly hôn”. Do đó, quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Cao Văn T có nơi cư trú tại ấp Thọ H, xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Kim M khởi kiện ông Cao Văn T, nên xác định bà M là nguyên đơn, ông T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Kim M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Cao Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Kim M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Cao Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Bà Lê Thị Kim M và ông Cao Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi cưới, cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không chăm lo đến đời sống gia đình, thường xuyên rượu chè, chửi bới bà, ông bà đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cho rằng ông có đi uống rượu về nhưng lần nào về cũng chửi bà M. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

Theo đơn xác nhận của UBND xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì bà Lê Thị Kim M và ông Cao Văn T không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà Lê Thị Kim M và ông Cao Văn T cưới nhau làm vợ, làm chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Kim M và ông Cao Văn T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Cao Xuân Ti, sinh năm:

1991; Cao Minh H, sinh năm: 1993 và Cao Minh Hi, sinh năm: 1995, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 **Luật hôn nhân và gia đình năm 2014**; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim M và ông Cao Văn T.

2. Về con chung: Ông Cao Văn T và bà Lê Thị Kim M có 03 con chung tên Cao Xuân Ti, sinh năm: 1991; Cao Minh H, sinh năm: 1993 và Cao Minh Hi, sinh năm: 1995 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Kim M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006926 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà Lê Thị Kim M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim M, ông Cao Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hải

